

UBND THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-TTĐVNN

Đức Phổ, ngày tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

(Áp dụng cho tất cả loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ)

1.1. Tên nhiệm vụ: Dự án Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Loại hình nhiệm vụ *(đánh dấu vào mục phù hợp)*:

- ☐ Đề tài khoa học và công nghệ ☒ Dự án khoa học và công nghệ
☐ Dự án SXTN

1.3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ/Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Đức Phổ

1.4. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Văn Mân từ tháng 7/2017 đến tháng 2/2019; Đại học thú y Nguyễn Văn Thịnh (từ tháng 3/2019 đến khi kết thúc dự án).

1.5. Ngày được nghiệm thu, đánh giá chính thức: ngày 06/8/2020

1.6. Giấy đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số:
07/KQNC-QNGT

Ngày cấp: 18/11/2020 Cơ quan cấp: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

1.7. Bộ/Ngành/UBND tỉnh chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

1.8. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Chuyển giao 06 hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Phổ Phong và Phổ Nhơn, sau đó tiếp tục chuyển giao cho tất cả hộ chăn nuôi trên địa bàn thị xã.

- Chuyển giao 03 mô hình: Mô hình chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản đạt 105% chỉ tiêu phối giống có chữa, đạt 110% số bê lai sinh ra so với kế hoạch; Mô hình nuôi thâm canh bê lai hướng thịt với tỉ lệ nuôi sống đạt 100% và trọng lượng bê 12 tháng tuổi đạt 165%; Mô hình trồng cỏ năng suất cao với giống cỏ

trồng đạt 83% diện tích cỏ trồng và đạt 124% diện tích nhân rộng sau khi kết thúc dự án.

1.9. Nêu hiệu quả kinh tế (nếu có), tác động kinh tế-xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v.. mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (nếu có):

- Về hiệu quả kinh tế: từ kết quả chuyển giao công nghệ, với số bò cái nuôi bình quân 2,4 con/hộ, bê xuất bán ở 6 - 8 tháng tuổi với giá 16 - 18 triệu/con, thu nhập của các hộ tham gia dự án đạt trên 30 triệu đồng/năm.

- Về hiệu quả xã hội, môi trường: Các hoạt động chuyển giao đã tạo sự thay đổi đáng kể nhận thức của người dân trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất và tăng thu nhập trong chăn nuôi bò; tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các mô hình chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản và chăn nuôi thâm canh bê lai các giống chuyên thịt, góp phần nâng cao sản lượng bò thịt cung cấp cho nhu cầu xã hội; áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch bệnh (vệ sinh, cách ly, tiêu độc, khử trùng, gom phân và ủ hoai, phòng bệnh bằng thuốc) trong chăn nuôi đã góp phần đáng kể trong việc hạn chế dịch bệnh phát sinh và tình trạng ô nhiễm môi trường; việc phát triển nhân rộng các giống cỏ năng suất chất lượng cao cung cấp đủ nguồn thức ăn xanh, khắc phục tình trạng thiếu thức ăn trong chăn nuôi.

- Về hiệu quả khoa học và công nghệ: các hướng dẫn kỹ thuật có tính ứng dụng cao, là công cụ để phổ biến, chuyển giao ra diện rộng; tạo điều kiện cho các hộ chăn nuôi trong và ngoài vùng dự án được tiếp cận, học tập kinh nghiệm từ các mô hình dự án; nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng thực hành cho lực lượng kỹ thuật viên và hộ tham gia.

II. PHẦN THÔNG TIN THEO LOẠI HÌNH NHIỆM VỤ

(Lựa chọn nội dung của phần thứ hai tùy theo loại hình nhiệm vụ)

• **Áp dụng đối với Đề tài khoa học và công nghệ**

2.1. Kết quả của đề tài được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp)

☐ Khoa học tự nhiên

☐ Khoa học công nghệ và kỹ thuật

☐ Khoa học nông nghiệp

☐ Khoa học y-dược

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

2.2. Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có được sử dụng để giải quyết vấn đề thực tế, là cơ sở để đề xuất những nội dung nghiên cứu hoặc những vấn đề mới?:

☐ Cơ sở để xây dựng Dự án SXTN

☐ Phát triển công nghệ mới

☐ Cơ sở để hình thành Đề án KH

☒ Được ứng dụng giải quyết vấn đề thực tế

☐ Hình thức khác:

.....

2.3. Số lượng công bố khoa học, văn bằng sở hữu công nghiệp có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.3.1. Số lượng công bố trong nước:

2.3.2. Số lượng công bố quốc tế:

2.4. Từ ứng dụng kết quả của đề tài, có hình thành yêu cầu bảo hộ sở hữu công nghiệp không? (*đơn yêu cầu bảo hộ; bằng bảo hộ được cấp,...*):

.....
.....

2.5. Việc ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có góp phần vào đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ không? (*cho biết số Tiến sỹ, Thạc sỹ sử dụng kết quả của đề tài cho nội dung luận án, luận văn của mình, nếu có*):

.....

• **Áp dụng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm**

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng (*có áp dụng thêm hoặc chuyển giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không? ,...*):

.....
.....

2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:

.....
.....

2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án:

.....
.....

• **Áp dụng đối với Dự án khoa học và công nghệ**

2.1. Quy mô hoặc sự phát triển của sản phẩm, quy trình công nghệ dựa từ kết quả của Dự án khoa học và công nghệ:

Trên cơ sở kết quả thực hiện Dự án Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và dự án Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai tăng thu nhập cho nông dân góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) tỉnh Quảng Ngãi, đơn vị tiếp tục xây dựng và thực hiện Dự án nâng cao chất lượng giống bò thịt thị xã Đức Phổ, giai đoạn 2020 – 2022, với nguồn kinh phí ngân sách thị xã đầu tư. Các sản phẩm của Dự án được ứng dụng, bao gồm:

- Tập huấn, chuyển giao các Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi cho các hộ dân áp dụng (nuôi dưỡng bò cái lai Zê bu, nuôi bê lai hướng thịt, trồng cỏ, vệ sinh thú

y...).

- Phối giống nhân tạo 20.000 liều tinh bằng tinh các giống bò hướng thịt; có chữa đạt 14.000 lượt bò cái, tỷ lệ phối giống có chữa $\geq 70\%$; tạo hơn 12.880 con bê lai có trọng lượng sơ sinh >25 kg/con đối với bê lai chuyên thịt và > 22 kg đối với bê lai Brahman, tỷ lệ bê nuôi sống đến cai sữa đạt trên 90%.

2.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

Mặc dù trong thời gian qua, giá bò trên thị trường có nhiều biến động, bất lợi cho người chăn nuôi. Tuy nhiên, việc áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trong chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản, tăng tỉ lệ phối giống bằng các giống bò chuyên thịt đã góp phần nâng cao thu nhập của nông hộ trong chăn nuôi bò sinh sản. Bình quân các hộ tham gia dự án có mức thu nhập tương đối cao ≥ 14 triệu/bò cái/năm.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu VT.

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO KẾT QUẢ
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Viết Mân